TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 133/2026/HS-ST
Ngày 30-3-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân.

Bà Phạm Thị Bé.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hà Giang – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vương- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2026 tại Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 121/2026/TLST–HS ngày 11 tháng 3 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138/2026/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 3 năm 2026 đối với bị cáo:

Lê Thanh P; sinh năm 1999 tại Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ thường trú: số D khu phố B, phường D, Thành phố Hồ chí Minh; nơi ở hiện tại: số D khu phố Đ, phường D, Thành phố Hồ chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Thanh P1 và bà Trịnh Thu C; chưa có vợ, con; tiền án: không; tiền sự: ngày 03/11/2022 và ngày 25/4/2024, bị Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố H áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, chấp hành xong vào ngày 08/8/2025; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 12/8/2025 đến ngày 21/8/2025 được trả tự do; bị bắt tạm giam từ ngày 18/11/2025 đến nay; đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam Lái Thiêu thuộc Trại tạm giam Bố Lá, Công an thành phố H; có mặt.

- *Bị hại:* Bà Trần Thị Anh Đ, sinh năm 1987; nơi thường trú: số H N, thôn T, phường A B, tỉnh Lâm Đồng; chỗ ở: số B L, khu phố Đ, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Trần Xuân T, sinh năm 1957; địa chỉ: tổ B, khu phố Đ, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh; có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Ông Phạm Hữu T1, sinh năm 1971; địa chỉ thường trú: số A, đường số B, khu P, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 11/8/2025, bị cáo Lê Thanh P đi bộ trên đường L thuộc khu phố Đ, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh với mục đích lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của người dân để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. Khi đến trước nhà bà Trần Thị Anh Đ tại địa chỉ số B đường L, khu phố Đ, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo P thấy nhà không đóng cửa cổng, trong sân có 01 xe mô tô hiệu Honda Airblade, biển số 54K5-3036, chìa khóa cắm sẵn trên xe nên đã lén lút đi vào sân dắt xe mô tô ra ngoài đường L, sau đó điều khiển xe rời khỏi hiện trường. Lúc này, con gái của bà Đ là Trần Cẩm H báo cho bà Đ biết là có người đã lấy xe mô tô nên bà H chạy ra, phát hiện bị mất xe nên trình báo Công an phường D.

Sau khi chiếm đoạt xe mô tô, bị cáo P điều khiển xe đến cơ sở thu mua phế liệu trên đường M - T, thuộc khu phố Đ, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh và bán cho ông Trần Xuân T với số tiền 500.000 đồng.

Cùng ngày 11/8/2025, bị cáo P được Công an phường D mời đến làm việc và tại đây bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 (một) xe mô tô hiệu Honda màu đỏ, bạc, đen; biển số 54K5-3036, số khung Y276526, số máy E0319219 do ông T giao nộp; số tiền 500.000 đồng do bị cáo P giao nộp; 01 thẻ nhớ chứa (một) video clip do bà Đ giao nộp ghi lại diễn biến việc bị cáo P lén lút chiếm đoạt xe mô tô.

Tại Kết luận định giá tài sản số 11/KL-HĐĐGTS ngày 03/11/2025 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự phường D, Thành phố Hồ Chí Minh xác định: 01 (một) xe mô tô hiệu Honda biển số 54K5-3036 đã qua sử dụng có giá 7.500.000 đồng.

Đối với số tiền 500.000 đồng bị cáo P có được từ việc bán xe mô tô cho ông T, quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông T nên ông T không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền này.

Ông T mua xe mô tô do bị cáo P chiếm đoạt. Quá trình điều tra xác định do bị cáo P nói với ông T là xe của P, do không còn tiền để ăn nên phải bán, bị cáo P còn hứa khi có tiền sẽ chuộc lại xe nên ông T tin tưởng và mua xe mô tô. Ông T không biết đây là tài sản do bị cáo P trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

Về trách nhiệm dân sự: bị hại Đ đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bị cáo bồi thường gì khác.

Tại Cáo trạng số 252/CT-VKS-KV16 ngày 10 tháng 3 năm 2026, Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh quyết định truy tố bị cáo Lê Thanh P về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu như sau: tại phiên tòa, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Viện Kiểm sát giữ nguyên Cáo trạng truy tố đối với bị cáo. Bị cáo nhận thức được hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không. Bị cáo có tiền sự: từng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại; bị cáo đầu thú. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo phạm tội "Trộm cắp tài sản" và xử phạt bị cáo từ 01 (một) năm tù đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Về xử lý vật chứng: 01 xe mô tô bị cáo chiếm đoạt, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại Đ là đúng quy định. Đối với số tiền 500.000 đồng, Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông T là đúng quy định. Về trách nhiệm dân sự: bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nên đề nghị không xem xét giải quyết.

- Bị cáo không tự bào chữa.

- Lời nói sau cùng của bị cáo: bị cáo chấp hành án xong sẽ tìm việc làm, không sử dụng ma túy, trộm cắp nữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cơ quan điều tra – Công an Thành phố H, Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh; hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên thực hiện việc điều tra, truy tố, ban hành quyết định, văn bản tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình giải quyết vụ án, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị hại Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T, ông T1 vắng mặt tại phiên tòa. Quá trình điều tra, những người này đã có lời khai đầy đủ, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát, xét xử vắng mặt bà Đ, ông T và ông T1.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng mà Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở xác định: khoảng 16 giờ 00 phút ngày 11/8/2025, tại số nhà B, khu phố B, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo P đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 (một) xe mô tô hiệu Honda biển số 54K5-3036 của bị hại Đ. Kết luận định giá xác định xe mô tô trị giá 7.500.000 đồng.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, ảnh hưởng đến an ninh trật tự và an toàn xã hội. Bị cáo nhận thức được hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Vì vậy, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Nhân thân của bị cáo: bị cáo có nhân thân xấu (có 02 tiền sự: từng 02 lần bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc vào năm 2022 và năm 2024), chấp hành xong vào ngày 08/8/2025 (trước ngày thực hiện hành vi phạm tội 03 ngày) nhưng bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, thể hiện ý thức của bị cáo rất xem thường pháp luật.

[7] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản đã thu hồi trả lại cho chủ sở hữu. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo. Ngoài các tình tiết giảm nhẹ nêu trên, đại diện Viện Kiểm sát còn đề nghị áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ đầu thú và phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo không trình diện và khai nhận hành vi phạm tội mà chỉ khi bị cơ quan Công an phát hiện, mời bị cáo đến Công an phường làm việc, hỏi thì bị cáo mới khai nhận hành vi của mình nên chỉ có căn cứ áp dụng tình tiết thành khẩn khai báo cho bị cáo. Đồng thời, hành vi của bị cáo đã được thực hiện, đã dịch chuyển tài sản ra khỏi sự quản lý của chủ quản lý tài sản và mang đi bán cho ông T nên thiệt hại thực tế đã xảy ra, không chỉ đối với chủ sở hữu mà còn đối với tình hình an ninh trật tự của xã hội mặc dù sau đó bị hại đã lấy lại được tài sản. Trường hợp này Hội đồng xét xử chỉ xem xét áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ tài sản đã thu hồi trả lại cho chủ sở hữu. Do đó, đề nghị của Viện Kiểm sát đối với tình tiết đầu thú và phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại là không có cơ sở chấp nhận.

[8] Căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo cũng như hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo nhằm răn đe, giáo dục bị cáo cũng như phòng ngừa chung cho xã hội.

[9] Trách nhiệm dân sự: bị hại Đ đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét quyết.

[10] Xử lý vật chứng:

- Đối với số tiền 500.000 đồng bị cáo P có được từ việc bán xe mô tô cho ông T, ông T không biết xe mô tô này do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý hành vi của ông T và đã trả lại số tiền này cho ông T là đúng quy định.

- Đối với 01 xe mô tô mà bị cáo chiếm đoạt: Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại Đ là đúng quy định.

- Đối với 01 (một) thẻ nhớ do bị hại Đ nộp: chứa video clip ghi lại diễn biến bị cáo chiếm đoạt tài sản: là chứng cứ nên tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

[11] Mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị xử phạt bị cáo là nặng so với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo cũng như hậu quả do hành vi của bị cáo gây ra.

[13] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 1, 2 Điều 260; khoản 1 Điều 268; khoản 1 Điều 269; khoản 1 Điều 331 và khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

1. Trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Lê Thanh P phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Lê Thanh P 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/11/2025, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 12/8/2025 đến ngày 21/8/2025.

2. Án phí hình sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục Án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết này,

Bị cáo Lê Thanh P phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Người tham gia tố tụng.
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú (thay văn bản thông báo);
- Lưu: hồ sơ vụ án, THAHS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngân

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

Nguyễn Thị Thanh Xuân **Phạm Thị Bé**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngân

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Người tham gia tố tụng.
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú (thay văn bản thông báo);
- Lưu: hồ sơ vụ án, THAHS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngân